

Thứ tư, ngày 25 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thị trường giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/9/2019		•	
Tuần 23/9-27/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Như đã đề cập trong báo cáo hôm trước, nhịp rung lắc xuất hiện ngay từ đầu phiên sáng khi nhóm cổ phiếu bluechips GAS, VCB, VIC điều chỉnh mạnh. Đến phiên chiều, chỉ số nói rộng đã giảm và hồi phục vào phút cuối phiên nhờ lực kéo của các mã MWG, BID, FPT. Thị trường có phiên giao dịch âm ảm với thanh khoản duy trì ở mức trung bình thấp. **Chịu ảnh hưởng từ những bất ổn chính trị tại Mỹ khi Tổng thống Trump đứng trước nguy cơ bị luận tội và phát biểu mang tính công kích Trung Quốc của ông trước thềm cuộc họp thương mại trong tháng tới, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục điều chỉnh trong những phiên tới.** Nhà đầu tư vẫn nên thận trọng khi giao dịch trong khoảng giá 980 – 1,000 điểm của chỉ số.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F1910 và VN30F1911 tăng, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 giảm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/09/2019, thị trường chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. MSN đang điều chỉnh giảm sau khi không vượt qua được ngưỡng 80. Thanh khoản giữ ở mức thấp, trong khi các chỉ báo động lượng cho thấy tin hiệu tăng giá trong trung hạn, hỗ trợ giá chứng quyền của cổ phiếu này.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng 2.2%. 12/14 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả **12/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (-0.1%)**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**.

Phân tích kỹ thuật: PPC_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, VNM**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.83 điểm**, đóng cửa 987.30. HNX-Index **-0.20 điểm**, đóng cửa 103.81.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.47); BID (+0.46); FPT (+0.25); NVL (+0.14); REE (+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.61); VIC (-0.39); VNM (-0.25); VJC (-0.24); PLX (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,660 tỷ đồng**, **-0.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.12 điểm. Thị trường có 142 mã tăng, 81 mã giảm và 142 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **73.35 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (31.89 tỷ), VRE (21.24 tỷ) và BID (13.45 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.61 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 987.30Giá trị: 2660.49 tỷ **-0.83 (-0.08%)**

Khối ngoại (ròng): -73.49 tỷ

HNX-INDEX 103.81Giá trị: 243.7 tỷ **-0.2 (-0.19%)**

Khối ngoại (ròng): -0.72 tỷ

UPCOM-INDEX 56.72Giá trị: 170.22 tỷ **-0.15 (-0.26%)**

Khối ngoại(ròng): 48.66 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.5	-1.40%
Giá vàng	1,531	-0.05%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,547	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,617	-0.24%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	6.32%
LS TPCP 5 năm	3.0%	0.77%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCI	14.1	HPG	31.9
HDB	7.6	VRE	21.2
PVT	7.6	BID	13.4
VNM	7.1	MSN	8.2
KDH	3.4	SSI	7.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*12/14 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả **12/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-0.1%). Đặc biệt, danh mục Xây dựng - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_2.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Xây dựng	2.2%	2.6%	5.6%	3.7%	-5.5%	-10.9%	25.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.1%	0.2%	-3.1%	-3.0%	2.7%	10.3%	46.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	1.4%	2.4%	8.4%	6.3%	2.5%	69.4%
Hàng tiêu dùng	0.7%	0.9%	1.5%	11.4%	12.1%	6.0%	64.8%
Chiến tranh thương mại	0.6%	-0.2%	-3.5%	-4.1%	-3.6%	-4.2%	3.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	1.3%	3.1%	13.3%	10.7%	0.8%	76.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.5%	-1.4%	-0.1%	-0.3%	-5.8%	-12.6%	-9.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.3%	-1.6%	0.8%	5.6%	2.8%	-0.5%	62.1%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	-2.2%	-0.9%	2.8%	1.8%	-1.5%	0.8%
Nước & Năng lượng	0.1%	-0.3%	0.7%	0.4%	2.0%	7.0%	57.6%
Ngân hàng	0.0%	0.5%	3.5%	14.1%	4.9%	-1.4%	82.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	1.7%	-2.1%	-5.6%	-10.4%	-20.2%	41.1%
Dầu khí	-0.3%	-2.2%	-0.5%	-1.2%	1.1%	-14.5%	11.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	-1.0%	0.8%	3.6%	-0.8%	1.2%	76.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 1	1.1%	1.5%	4.5%	14.7%	11.7%	4.6%	73.6%
Danh mục 15	0.9%	1.5%	3.7%	12.2%	8.3%	1.2%	69.0%
Danh mục 16	0.9%	1.5%	3.6%	10.8%	8.6%	2.9%	71.8%
Danh mục 5	-0.1%	-0.3%	0.2%	9.1%	4.6%	-2.9%	75.1%
Danh mục 11	-0.2%	0.8%	0.7%	2.2%	-2.7%	-7.8%	79.6%

* Note **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	1.2%	0.2%	-2.0%	8.2%	8.1%	25.3%	166.4%
Danh mục 21	0.9%	-0.3%	3.1%	10.5%	10.2%	-2.6%	43.5%
Danh mục 19	0.6%	0.9%	3.7%	12.6%	10.9%	8.8%	56.3%
Danh mục 23	0.3%	0.2%	-2.3%	4.9%	-1.0%	4.4%	106.7%
Danh mục 20	0.2%	-1.1%	-0.7%	4.0%	-0.1%	1.5%	18.3%

* Note **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-0.8%	0.4%	4.7%	0.7%	-2.3%	46.5%
VN30INDEX	0.2%	-0.1%	1.3%	5.3%	1.2%	-7.4%	37.3%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

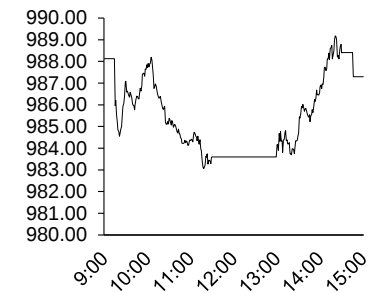
BSC RESEARCH

9/25/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

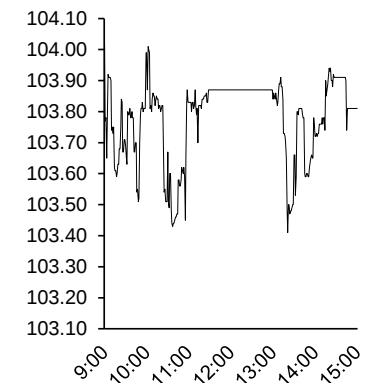
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	2.3%
Công nghệ Thông tin	1.8%
Xây dựng và Vật liệu	1.2%
Y tế	0.7%
Hóa chất	0.5%
Ngân hàng	0.3%
Dịch vụ tài chính	0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	-0.1%
Ô tô và phụ tùng	-0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Dầu khí	-0.9%
Truyền thông	-0.9%
Tài nguyên Cơ bản	-0.9%
Bảo hiểm	-1.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PPC_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu PPC đã hình thành phiên bứt phá sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 25. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy tín hiệu tích cực khởi đầu của xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt ngang dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đang dần hình thành. Như vậy, PPC nhiều khả năng sẽ hồi phục ngưỡng cao hơn cũ 29-30 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Về dự phóng kinh doanh cho năm 2019, chúng tôi kỳ vọng PPC sẽ duy trì được sản lượng phát điện và tăng trưởng doanh thu nhờ nhu cầu điện tăng mạnh ở khu vực miền Bắc. PPC dự kiến sẽ hoàn thành trả toàn bộ nợ vay trong năm 2019, qua đó tiết kiệm được khoảng 24 tỷ chi phí lãi vay, tuy nhiên chúng tôi lưu ý rằng năm 2018 PPC có ghi nhận 1 khoản lợi nhuận tài chính đột biến do đó chúng tôi dự kiến lợi nhuận của PPC trong năm 2019 sẽ khó có được mức tăng trưởng mạnh, LNST dự kiến sẽ ở mức khoảng 1,200 tỷ đồng tương đương với mức EPS 3750 đồng/cổ phiếu.

Cập nhật KQKD

Doanh thu quý 4 tăng trưởng 15%, doanh thu cả năm 2018 tăng 14% đến từ sản lượng điện tăng 13% và giá điện bình quân được cải thiện do công ty đã tận dụng được các cơ hội trên thị trường phát điện.

Năm 2018, số lần sửa chữa của PPC đạt mức thấp trong nhiều năm, do đó hiệu quả hoạt động của công ty được cải thiện đáng kể. Biên lợi nhuận gộp từ mức 12.67% của năm 2017 tăng lên 16.6% cùng với hiệu quả từ hoạt động tài chính (giảm nợ vay xuống còn 1 nửa so với năm 2018, chi phí lãi vay giảm còn 33% so với năm 2017) và hoàn nhập lại khoản dự phòng đầu tư vào QTP khoảng 200% trong năm 2018 giúp cho lợi nhuận tài chính của PPC trong năm 2018 tăng 24%. Qua đó lợi nhuận sau thuế của PPC trong năm 2018 tăng 35.4%.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express PPC 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

VNM_Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 25/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 25/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.97	-3.04%	-4.00%	7.17%	-21.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.53	0.14%	-1.70%	6.50%	-23.14%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.64	-2.70%	-2.12%	1.43%	-20.70%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1536.13	0.79%	2.26%	0.66%	27.92%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.70	0.27%	3.71%	5.97%	29.57%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	897.00	0.34%	0.39%	5.10%	6.09%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	480.50	-0.52%	-0.77%	1.59%	-7.73%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.26	0.00%	-0.16%	3.75%	13.14%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	165.20	0.73%	-4.78%	6.72%	12.38%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.48	2.32%	5.12%	0.61%	11.00%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	0.00%	-2.83%	12.36%	-3.74%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.80	-0.20%	2.01%	4.94%	1.75%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.59	-0.29%	-0.68%	2.04%	-7.55%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3759.00	-0.40%	-1.60%	1.05%	-17.13%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1785.00	-0.56%	-0.45%	1.36%	-13.81%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	-1.08%	-2.13%	5.75%	32.37%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.97	-0.19%	-2.95%	3.09%	-39.45%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent giảm 1.67 USD, tương đương 2.6%, xuống xuống 10 USD/thùng; dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 1.35 USD, tương đương 2.3%, xuống 1.35 USD/thùng.
- Giá dầu thô giảm hơn 2% trong phiên vừa qua, xuống mức thấp nhất kể từ sau khi cơ sở dầu mỏ quan trọng nhất của Saudi Arabia bị tấn công (ngày 14/9/2019), sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump lại làm dấy lên lo ngại căng thẳng thương mại Mỹ - Trung sẽ leo thang.
- Trong bài phát biểu trước các nhà lãnh đạo thế giới tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York, ông Trump đã cáo buộc Trung Quốc thực hiện các hoạt động thương mại không công bằng, bao gồm những rào cản "khổng lồ" trên thị trường, thao túng tiền tệ và ăn cắp sở hữu trí tuệ. "Hy vọng chúng tôi có thể đạt được thỏa thuận có lợi cho cả hai nước...Như tôi đã nói, chắc chắn tôi không chấp nhận một thỏa thuận "xấu", ông Trump nhấn mạnh. Và ngay sau đó, nỗi lo căng thẳng thương mại Mỹ - Trung lại trở dậy mạnh mẽ, mà thị trường dầu vốn rất nhạy cảm với những thông tin như thế này.

Giá vàng

- Giá vàng tăng từ 5/9/2019. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 0.6% lên 1,540.2 USD/ounce, trong khi kỳ hạn tháng 10/2019 cũng tăng từ 1,524 USD lên 1,532 USD/ounce.
- Giá vàng đã tăng lên mức cao nhất trong vòng gần 3 tuần bởi những phát ngôn của ông Trump khiến chứng khoán chìm trong sắc đỏ, kéo nhà đầu tư quay về với vàng, nhất là khi số liệu về niềm tin tiêu dùng của Mỹ không mấy lạc quan. Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Mỹ tháng 9/2019 giảm mạnh nhất trong vòng 9 tháng do quan ngại về cuộc chiến thương mại với Trung Quốc. Sự sụt giảm này gây lo ngại về kinh tế toàn cầu, nhất là khi nỗi lo kinh tế Eurozone suy thoái cũng xuất hiện vì nhiều chỉ số từ sản xuất đến dịch vụ đều không như mong đợi.

Giá thép

- Sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải ngày 24/9/2019 thông báo định giá hợp đồng thép không gỉ ở mức 15,585 CNY (2,193.06 USD)/tấn. Sàn này sẽ bắt đầu giao dịch các hợp đồng tương lai đối với mặt hàng thép không gỉ từ hôm nay, 25/9/2019.

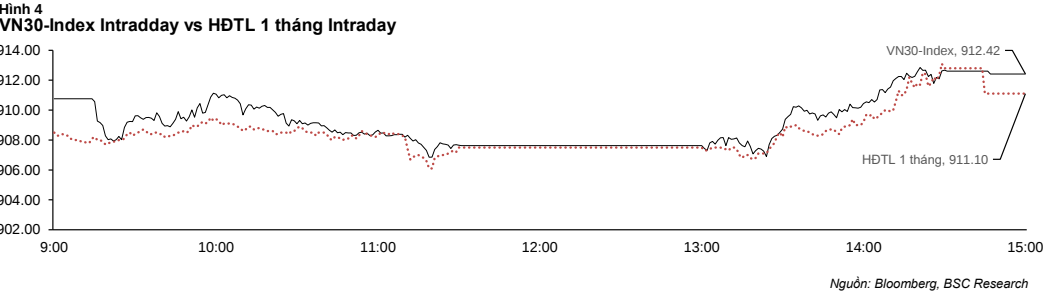
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 kết thúc phiên tăng 0.28 US cent, tương đương 2.3%, lên 11.50 US cent/lb; trong phiên có lúc đạt 11.57 US cent. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 cũng tăng 1.6 USD, tương đương 0.49%, lên 330.9 USD/tấn. Giá đường thô đã tăng lên mức cao chưa từng có trong vòng gần một tháng qua do dự báo thiếu hụt trong vụ 2019/20 và các quỹ tăng cường mua vào. Tuy nhiên, các thương gia cho biết có sự chênh lệch lớn về giá giữa hợp đồng sắp hết hạn với hợp đồng kỳ hạn tháng 10 tới, cho thấy nguồn cung hiện tại đang dồi dào.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn trên sàn Tokyo tăng trong phiên vừa qua do giá tại các nước cung cấp tăng vì nguồn cung khan hiếm, mặc dù giá ở Thượng Hải giảm. Cuối phiên, cao su kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 1.5 JPY (0.0139 USD) lên 168.1 JPY/kg. Cao su TSR20 kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn TOCOM kết thúc phiên ở mức giá 153.9 JPY/kg. Tuy nhiên tại Trung Quốc giá giảm. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1 năm sau trên sàn Thượng Hải giảm 135 CNY (18.99 USD) xuống 11,835 CNY/tấn; cao su TRS20 cũng giảm 85 CNY xuống 10,100 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	911.10	0.13%	-1.32	-0.8%	70160	10/17/2019	24
VN30F1911	911.00	0.39%	-1.42	-27.7%	191	11/21/2019	59
VN30F1912	903.90	-0.31%	-8.52	108.3%	125	12/19/2019	87
VN30F2003	904.00	-0.36%	-8.42	71.2%	267	3/19/2020	178

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 1.66 điểm lên mức 912.42 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, FPT, REE, NVL, STB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 biến động trong phiên sáng, giảm mạnh xuống 908 điểm về cuối phiên. Trong phiên chiều, VN30 hồi phục tích cực, chốt phiên trên mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm và các chỉ báo động lượng chưa xác nhận tín hiệu tăng, dự kiến tích lũy dưới mốc 915 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F1910 và VN30F1911 tăng, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 giảm. Xét về khối lượng giao dịch và vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 đều giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CHPG1902	KIS	12/11/2019	77	5:1	21,310	-76.4%	3.0 triệu	29.00%	1,000	300	11.11%	-
CMWG1904	SSI	9/28/2019	96	1:1	19,990	39.6%	1.0 triệu	20.44%	14,000	40,000	6.07%	36,572.20
CFPT1902	SSI	9/30/2019	5	1:1	11,580	-72.2%	1.0 triệu	19.72%	3,800	11,800	5.26%	12,270.90
CVNM1901	KIS	12/13/2019	79	10:1	322,150	-38.8%	5.0 triệu	19.52%	1,200	830	5.06%	3.00
CFPT1903	SSI	12/30/2019	96	1:1	43,990	-60.9%	2.0 triệu	19.72%	6,000	14,300	3.62%	12,810.80
CFPT1904	MBS	11/19/2019	55	3:1	149,310	27.0%	3.0 triệu	19.72%	1,700	2,890	2.48%	1,960.50
CMWG1903	HSC	12/30/2019	96	5:1	88,190	25.6%	2.0 triệu	20.44%	2,700	6,950	2.21%	6,322.60
CMWG1902	VND	12/11/2019	77	4:1	15,020	-39.2%	2.4 triệu	20.44%	2,990	10,000	2.04%	9,093.60
CMBB1902	HSC	12/17/2019	83	1:1	26,130	-67.7%	1.0 triệu	23.07%	3,200	3,500	0.00%	113.40
CMSN1901	KIS	11/14/2019	50	5:1	64,770	-18.0%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,430	0.00%	59.00
CREE1901	MBS	11/19/2019	55	3:1	344,730	211.8%	3.0 triệu	22.56%	1,260	1,850	-0.54%	892.40
CVIC1901	KIS	11/14/2019	50	5:1	61,300	-14.5%	2.0 triệu	20.76%	1,960	1,520	-4.40%	13.20
CVRE1901	KIS	11/14/2019	50	2:1	178,310	-17.6%	2.5 triệu	27.53%	1,900	920	-6.12%	18.60
CHPG1906	KIS	11/14/2019	50	2:1	27,490	428.7%	5.0 triệu	29.00%	1,500	580	-6.45%	4.70
CHPG1905	SSI	12/30/2019	96	1:1	190,850	317.7%	1.0 triệu	29.00%	3,300	2,730	-8.39%	887.20
CHPG1904	SSI	9/30/2019	5	1:1	131,980	-49.0%	1.0 triệu	29.00%	2,200	200	-33.33%	-

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/09/2019, thị trường chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1904 tiếp tục giảm mạnh 33.33%. CHPG1902 lại tăng 11.11%. Thanh khoản thị trường giảm 9.04%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 19% thị trường.
- Ngoại trừ CFPT1902, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MSN đang điều chỉnh giảm sau khi không vượt qua được ngưỡng 80. Thanh khoản giữ ở mức thấp, trong khi các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu tăng giá trong trung hạn, hỗ trợ giá chứng quyền của cổ phiếu này.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	125.50	2.87	1.40
FPT	57.40	2.14	0.91
REE	39.50	3.54	0.32
NVL	62.00	0.81	0.26
STB	10.60	0.95	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	136.0	-1.16	-0.60
HPG	21.9	-1.13	-0.58
VNM	126.4	-0.39	-0.35
VIC	119.7	-0.33	-0.24
PNJ	82.1	-1.08	-0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1902	166,285	41,999	21,900
CMWG1904	165,000	90,000	125,500
CFPT1902	96,981	45,140	57,400
CVNM1901	46,340	156,285	126,400
CFPT1903	56,154	45,140	57,400
CFPT1904	57,100	52,000	57,400
CMWG1903	25,800	95,000	125,500
CMWG1902	48,130	90,000	125,500
CMBB1902	26,300	21,800	22,150
CMSN1901	98,488	88,888	79,000
CREE1901	41,330	37,550	39,500
CVIC1901	150,688	140,888	119,700
CVRE1901	44,688	40,888	33,500
CHPG1906	31,088	28,088	21,900
CHPG1905	93,300	23,100	21,900
CHPG1904	98,800	23,100	21,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.5	2.9%	0.7	2,416	3.4	7,893	15.9	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.1	-1.1%	1.0	794	2.8	4,727	17.4	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.1	-1.5%	1.3	2,197	0.9	1,505	47.9	3.3	25.5%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.6	0.0%	0.7	338	0.1	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.7	-0.3%	1.1	17,413	1.3	1,643	72.8	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.5	-0.9%	1.1	3,392	2.5	1,033	32.4	2.7	32.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.0	0.8%	0.8	2,508	0.8	3,579	17.3	2.9	7.5%	17.8%
REE	Bất động sản	39.5	3.5%	1.0	532	3.7	5,261	7.5	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.8	-0.6%	1.4	382	1.9	3,744	4.5	1.1	46.8%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.7	0.0%	1.3	478	1.4	1,997	10.8	1.2	57.1%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.8	1.3%	1.0	256	0.0	5,067	7.1	1.6	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.7	0.2%	1.4	314	0.6	1,434	16.5	1.7	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.4	2.1%	0.8	1,693	3.6	4,349	13.2	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.1	0.2%	0.4	499	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.4	-1.1%	1.5	8,521	1.0	6,066	16.9	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.2	-1.1%	1.5	3,117	1.1	3,350	18.0	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.1	-0.5%	1.7	418	1.4	2,397	8.4	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.2	-1.1%	0.8	1,240	0.3	1,163	7.9	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.4	0.0%	0.5	520	0.0	4,616	19.8	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.1	0.0%	0.7	222	0.1	853	15.3	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-11.3%	0.6	173	0.2	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	80.7	0.1%	1.3	13,013	2.5	4,729	17.1	3.9	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	39.9	1.1%	1.5	5,931	2.5	2,091	19.1	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.8	0.2%	1.6	3,367	1.5	1,470	14.2	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.4	0.2%	1.2	2,286	1.8	2,989	7.2	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.2	0.0%	1.1	2,198	3.4	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	1.1	1,621	1.5	4,469	5.1	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	52.5	1.5%	0.9	187	0.2	5,017	10.5	1.8	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.5	0.8%	0.3	149	0.0	4,490	8.6	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.2	-0.6%	1.2	673	0.0	732	23.5	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.9	-1.1%	1.0	2,629	3.8	2,760	7.9	1.4	38.1%	19.9%
HSG	Thép	6.5	-1.1%	1.5	119	0.3	425	15.2	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	126.4	-0.4%	0.8	9,570	3.4	5,465	23.1	7.8	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.0	0.0%	0.8	7,333	0.3	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	79.0	0.0%	1.2	4,015	0.9	3,304	23.9	3.0	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.0%	0.5	410	0.9	542	33.1	1.6	6.2%	4.9%
ACV	Vận tải	76.0	0.1%	0.8	7,194	0.3	2,630	28.9	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	136.0	-1.2%	1.1	3,097	2.5	9,850	13.8	5.2	20.3%	43.3%
HVN	Vận tải	33.2	0.2%	1.7	2,047	0.4	1,747	19.0	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	28.0	1.1%	0.8	361	0.8	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.8	-0.6%	0.6	218	0.7	2,435	7.3	1.2	30.5%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	104.0	7.3%	0.9	709	2.5	7,667	13.6	5.3	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	-0.3%	0.8	375	0.3	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.3%	0.8	253	0.0	1,657	9.2	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	99.0	2.4%	0.7	329	0.2	13,535	7.3	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.3	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.5	0.2%	0.5	221	0.9	387	53.0	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.4	-1.2%	0.6	1,257	0.5	820	15.1	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	23.9	-0.4%	0.6	299	0.3	2,241	10.7	1.7	21.6%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	125.50	2.87	0.46	640200.00
BID	39.90	1.14	0.45	1.45MLN
FPT	57.40	2.14	0.24	1.44MLN
NVL	62.00	0.81	0.14	293140.00
REE	39.50	3.54	0.12	2.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	102.40	-1.06	-0.62	216420.00
VIC	119.70	-0.33	-0.40	256590.00
PLX	60.20	-1.15	-0.27	426000.00
VNM	126.40	-0.39	-0.26	617630.00
VJC	136.00	-1.16	-0.26	414030.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIP	24.90	6.87	0.01	83460.00
RIC	6.24	6.85	0.00	700.00
PTC	6.09	6.84	0.00	70980.00
DTA	5.95	6.82	0.00	80.00
HVX	3.14	6.80	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DCM	7.51	-11.33	-0.15	614130.00
VID	4.65	-7.00	0.00	4560.00
FTM	3.00	-6.83	0.00	209440.00
LAF	7.01	-6.78	0.00	100.00
MDG	11.00	-6.78	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	104.00	7.33	0.24	580800.00
HUT	2.40	9.09	0.04	1.77MLN
NET	36.10	9.06	0.03	88000.00
MBG	26.50	4.74	0.02	38200.00
INN	33.00	5.10	0.02	1200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.00	-0.86	-0.33	1.52MLN
DL1	23.90	-9.81	-0.13	600.00
DGC	26.50	-1.49	-0.03	68400.00
PVS	20.10	-0.50	-0.03	1.58MLN
SHN	8.80	-2.22	-0.03	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

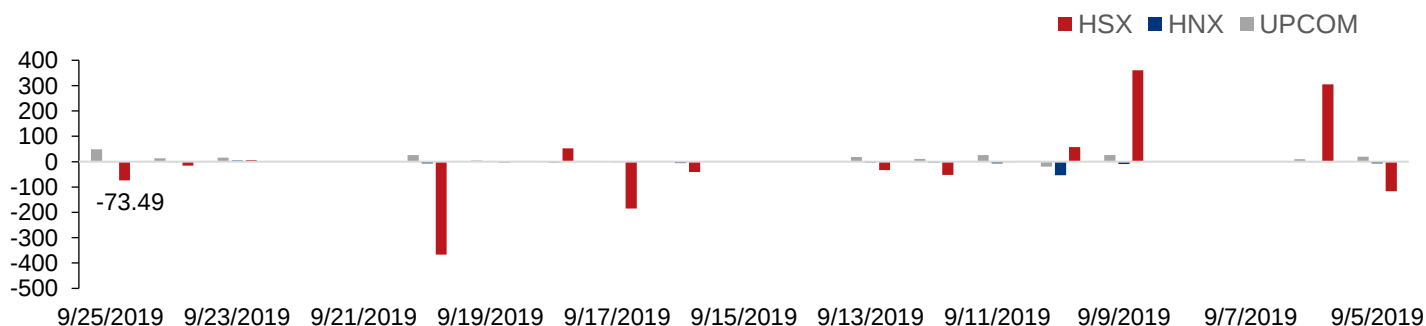
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	2200.00
HKB	0.70	16.7	0.01	18300.00
KSD	5.50	10.0	0.00	100.00
WSS	2.20	10.0	0.01	6600.00
ECI	16.60	9.9	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPC	13.50	-10.00	0.00	200.00
TMB	8.10	-10.00	-0.01	300.00
DL1	23.90	-9.81	-0.13	600.00
TV3	30.40	-9.79	-0.01	1500.00
CVN	10.20	-9.73	-0.01	1200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.0	4,469	5.1	1.2	Click
2	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.5	1,098	13.2	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	80.7	4,729	17.1	3.9	Click
4	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.1	1,295	18.6	1.9	Click
5	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.2	3,215	6.9	1.4	Click
6	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	56.3	2,801	20.1	3.3	Click
7	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	28.0	1,888	14.8	1.4	Click
8	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.5	3,705	7.7	2.1	Click
9	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.4	4,349	13.2	2.9	Click
10	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.6	649	21.0	1.2	Click
11	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.5	7,893	15.9	5.3	Click
12	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.1	4,727	17.4	4.5	Click
13	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.8	5,276	10.4	3.0	Click
14	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.0	4,234	6.6	0.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.0	4,469	5.1	1.2	Click
16	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.3	3,873	4.5	1.2	Click
17	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.5	425	15.2	0.5	Click
18	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	45.5	4,961	9.2	2.7	Click
19	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	79.0	3,304	23.9	3.0	Click
20	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	160.5	7,716	20.8	10.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn